

Bản án số: 41/2019/DSST
Ngày 04 tháng 10 năm 2019
*Về việc “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà PHẠM NGỌC GIÀU

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông TRẦN VĂN THẠCH.

2/ Bà LÊ NGỌC TRÂM.

- Thư ký phiên tòa: Bà LÊ THỊ HOÀNG YẾN - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh T tham gia phiên tòa: Bà NGUYỄN LÂM THÚY VI - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 44/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2019/QĐST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **NGÂN HÀNG N**

Địa chỉ: Số 02, ấp Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

* Người đại diện theo pháp luật: Ông **Trịnh Ngọc Khánh** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

* Người đại diện theo ủy quyền của ông Khánh: Ông **Lê Nguyễn Đăng H** - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N- Chi nhánh huyện H, tỉnh T.

* Người được ủy quyền lại (*Văn bản ủy quyền số: 194/UQ-NHN0-HT ngày 24/6/2019 của Ngân hàng N- Chi nhánh huyện H, tỉnh T.*)

Ông **Võ Thành Trung** - Chức vụ: Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Ngân hàng N, huyện H, tỉnh T - (có mặt).

Địa chỉ: Số 116, đường Huỳnh Thanh Mừng, khu phố 2, thị trấn H, huyện H, tỉnh T.

- Bị đơn: Ông **LÊ HỮU L**, sinh năm 1974 - (vắng mặt).

Bà **LÊ THỊ THU H**, sinh năm 1974 - (có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 39/3, ấp Long H, xã T, huyện H, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 01 năm 2019 và lời trình bày của anh Võ Thành Trung là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng N thể hiện như sau:

Ngày 09/01/2017 Ngân hàng N- Chi nhánh huyện H, tỉnh T (gọi tắt là Ngân hàng) có cho ông Lê Hữu L và bà Lê Thị Thu H vay số tiền 150.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 5709LAV201700168, lãi suất 10,8%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất đã thỏa thuận được ghi trên giấy nhận nợ, thời hạn vay 13 tháng, mục đích vay tiền là để chi phí sản xuất, kinh doanh, đời sống của hộ gia đình. Khi vay có thể chấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 581m², tọa lạc ấp Xóm Mới, xã B, huyện C, tỉnh T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03101 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 22/12/2016 do Lê Hữu L và Lê Thị Thu H đứng tên. Trong suốt thời gian vay ông L và bà H có trả lãi được số tiền 17.630.000 đồng, sau đó ngưng không trả tiền lãi và tiền vay gốc cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng N- Chi nhánh huyện H, tỉnh T yêu cầu ông Lê Hữu L và bà Lê Thị Thu H trả số tiền vay gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi 44.438.000 đồng tính đến ngày 04/10/2019, tổng cộng 194.438.333 đồng và yêu cầu ông L, bà H tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 5709LAV201700168 ngày 09/01/2017 cho đến khi ông L, bà H trả xong số tiền vay cho Ngân hàng.

Trường hợp, ông L và bà H không trả nợ hoặc trả nợ không đúng với nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 0051/2017/HĐTC ngày 09/01/2017 đối với phần đất diện tích 581m², tọa lạc ấp M, xã B, huyện C, tỉnh T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03101 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 22/12/2016 cho Lê Hữu L và Lê Thị Thu H đứng tên.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 10/5/2019 bị đơn bà Lê Thị Thu H trình bày:

Bà H và ông Lê Hữu L có vay của Ngân hàng N- Chi nhánh huyện H số tiền 150.000.000 đồng, vay vào ngày 09/01/2017, mục đích vay tiền để xoay vòng vốn và trả nợ, thời hạn vay là 13 tháng, lãi suất theo Hợp đồng tín dụng là 10,8%/năm, bà H không có đóng lãi cho Ngân hàng nhưng ông L đã đóng lãi được 01 lần, bà không rõ số tiền bao nhiêu. Khi vay tiền bà và ông L có thể chấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 581m², tọa lạc ấp M, xã B, huyện C, tỉnh T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03101 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày

22/12/2016 cho ông Lê Hữu L và bà Lê Thị Thu H cùng đứng tên. Nay bà H đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc 150.000.000 đồng và trả tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng đã vay. Hiện bà H đang chấp hành án tại trại tạm giam Tổng Lê Chân nên bà H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án nhiều lần triệu tập ông L để lấy lời khai, công khai chứng cứ, hòa giải nhưng không lần nào ông L có mặt nên không lấy được lời khai của ông L. Tại biên bản xác minh ông Lê Văn Buôn - Trưởng Ban quản lý ấp Long H xã T, huyện H, tỉnh T thể hiện: Ông Lê Hữu L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số nhà 39/3, ấp Long H, xã T, huyện H, tỉnh T do vợ ông L là bà Lê Thị Thu H bị vỡ nợ nên ông buồn chuyện gia đình và bỏ đi làm ăn xa, hiện nay ông L ở đâu không rõ. Do ông L không có mặt ở địa phương nên Tòa án tổng đạt hợp lệ các giấy triệu tập, các văn bản tố tụng cho ông L bằng thủ tục niêm yết công khai để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi giải quyết vụ án của Thẩm phán có vi phạm về thời hạn xét xử cần kiến nghị khắc phục. Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng tại phiên tòa chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Buộc ông L và bà H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N- Chi nhánh huyện H số tiền vay gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi 44.438.333 đồng, tổng cộng 194.438.333 đồng và ông L, bà H tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 5709LAV201700168 ngày 09/01/2017 cho đến khi ông L, bà H trả xong số tiền vay trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Thị Thu H là bị đơn trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng ông Lê Hữu L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L và bà H.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 5709LAV201700168 ngày 09/01/2017 do Ngân hàng N- Chi nhánh huyện H, tỉnh T cung cấp thể hiện việc ông L và bà H có vay tiền của Ngân hàng là có thật và bà H cũng thừa nhận hiện còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 150.000.000 đồng. Do ông L và

bà H không trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận là vi phạm về nghĩa vụ thanh toán. Do đó, Ngân hàng Nkhởi kiện tranh chấp về “*Hợp đồng tín dụng*” đối với ông L và bà H là có căn cứ theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng.

[3] Về nội dung tranh chấp: Xét lời trình bày cùng các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng N– Chi nhánh huyện H, tỉnh T cung cấp thể hiện: Ngày 09/01/2017, ông Lê Hữu L và bà Lê Thị Thu H có vay của Ngân hàng N- Chi nhánh H số tiền 150.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 5709LAV201700168, lãi suất 10,8%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất đã thỏa thuận được ghi trên giấy nhận nợ, thời hạn vay 13 tháng. Khi vay có thể chấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 581m², tọa lạc ấp Xóm Mới, xã B, huyện C, tỉnh T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03101 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 22/12/2016 cho Lê Hữu L và Lê Thị Thu H đứng tên.

[4] Xét thấy Ngân hàng Nlà một tổ chức tín dụng hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng, việc ông L, bà H vay tiền của Ngân hàng thỏa thuận mức lãi suất, tiền phạt, tiền phí do vi phạm hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi ký kết hợp đồng do ông L, bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bên vay, nên ông L, bà H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc và số tiền lãi theo mức lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký kết là phù hợp.

Theo bảng kê tiền gốc và lãi đến ngày 04/10/2019 do Ngân hàng N- Chi nhánh huyện H cung cấp thể hiện: Số dư nợ gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 04/10/2019 là 44.438.333 đồng. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nlà có cơ sở chấp nhận, cần buộc ông L và bà H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nsố tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vay tính đến hết ngày 04/10/2019 là 194.438.333 đồng là phù hợp.

Ông L và bà H PH chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân huyện H là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 298, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nđối với ông Lê Hữu L và bà Lê Thị Thu H.

Buộc ông Lê Hữu L và bà Lê Thị Thu H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nsố tiền gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 04/10/2019 là 44.438.333 đồng,

tổng cộng gốc và lãi là **194.438.333 đồng** (Một trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi tám ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên vay còn pH tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp, ông L và bà H không trả nợ hoặc trả nợ không đúng với nghĩa vụ trong hợp đồng tín dụng thì phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 0051/2017/HĐTC ngày 09/01/2017 đối với phần đất diện tích 581m², tọa lạc ấp Xóm Mới, xã B, huyện C, tỉnh T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS03101 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 22/12/2016 cho ông Lê Hữu L và bà Lê Thị Thu H đứng tên.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lê Hữu L và bà Lê Thị Thu H pH chịu 9.722.000 đồng (Chín triệu bảy trăm hai mươi hai nghìn đồng).

Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh T hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 4.396.000 đồng (Bốn triệu ba trăm chín mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012933 ngày 13 tháng 02 năm 2019.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án dân sự xét xử công khai báo cho Ngân hàng biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông L và bà H vắng mặt, thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THA DS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP (G).

Phạm Ngọc Giàu